B30P090

Dữ liệu đặc tính CRGO

Tóm tắt dữ liệu

Mác thép	B30P090
Nhà sản xuất và độ dày	Baosteel · 0.30 mm
Tần số có dữ liệu công bố	50 Hz / 60 Hz
Dải mật độ từ thông đã công bố	1.5-1.7 T
Số mức mật độ từ thông	2
Đặc tính	Suất tổn hao lõi · Độ phân cực từ · Hệ số xếp lá

Đặc tính ở 50 Hz

Bảng 01 · GB/T 3655 (khung Epstein)

J (T)	Suất tổn hao lõi Giá trị tối đa bảo đảm · W/kg	Suất tổn hao lõi Giá trị điển hình · W/kg	Suất tổn hao lõi Giá trị tham khảo đã công bố · W/kg
1.5	-	0.67	0.68
1.7	0.90	0.89	-

Đặc tính ở 60 Hz

Bảng 02 · GB/T 3655 (khung Epstein)

J (T)	Suất tổn hao lõi Giá trị tối đa bảo đảm · W/kg	Suất tổn hao lõi Giá trị điển hình · W/kg	Suất tổn hao lõi Giá trị tham khảo đã công bố · W/kg
1.5	-	0.91	0.92
1.7	1.20	1.19	-

Đặc tính khác

Không công bố tần số riêng
Bảng 03 · GB/T 3655 (khung Epstein)

Cường độ từ trường (A/m)	Độ phân cực từ Giá trị tối thiểu bảo đảm · T	Độ phân cực từ Giá trị điển hình · T
800	1.90	1.92

Bảng 04 · GB/T 19289

Đặc tính	Hệ số xếp lá Giá trị tối thiểu bảo đảm · Không thứ nguyên
Hệ số xếp lá	0.965

Dấu gạch ngang biểu thị giá trị chưa được công bố.

Nguồn của nhà sản xuất và điều kiện thử nghiệm

Dùng số bảng và số dòng để tra cứu điều kiện thử nghiệm gốc.

Baosteel

Cold-rolled grain-oriented electrical steel strip delivered in the fully processed state

Phiên bản Q/BQB 485-2023 (issued 2023-04-09, effective 2023-07-01) Tài liệu chính thức

Trang 11 của PDF · Bảng 01,02
Table 4 · GB/T 3655 (khung Epstein)
Ghi chú về điều kiện thử nghiệm (tiếng Anh) Clause 7.1.2 specifies stress-relief annealing before GB/T 3655 testing; a GB/T 13789 method can be agreed separately.

Trang 26 của PDF · Bảng 01,02
Table D.1 · GB/T 3655 (khung Epstein)
Ghi chú về điều kiện thử nghiệm (tiếng Anh) Appendix D typical value; individual specimen setup not separately reported. Clause 7.1.2 specifies stress-relief annealing before GB/T 3655 testing; a GB/T 13789 method can be agreed separately.

Trang 11 của PDF · Bảng 01,02
Table 4 · GB/T 3655 (khung Epstein)
Ghi chú về điều kiện thử nghiệm (tiếng Anh) Clause 7.1.2 specifies stress-relief annealing before GB/T 3655 testing; a GB/T 13789 method can be agreed separately. The 1.5 T column is a reference under table footnote a; it becomes a supply criterion only by agreement.

Trang 11 của PDF · Bảng 03
Table 4 · GB/T 3655 (khung Epstein)
Ghi chú về điều kiện thử nghiệm (tiếng Anh) Clause 7.1.2 specifies stress-relief annealing before GB/T 3655 testing; a GB/T 13789 method can be agreed separately. J800 at peak field H=800 A/m; table does not separately state frequency.

Trang 26 của PDF · Bảng 03
Table D.1 · GB/T 3655 (khung Epstein)
Ghi chú về điều kiện thử nghiệm (tiếng Anh) Appendix D typical value; individual specimen setup not separately reported. Clause 7.1.2 specifies stress-relief annealing before GB/T 3655 testing; a GB/T 13789 method can be agreed separately. J800 at peak field H=800 A/m; table does not separately state frequency.

Trang 11 của PDF · Bảng 04
Table 4 · GB/T 19289
Ghi chú về điều kiện thử nghiệm (tiếng Anh) Dimensionless factor; not a frequency-specific magnetic test.

Tổng hợp độc lập

Chenfan Electric tổng hợp độc lập từ dữ liệu công bố của các nhà sản xuất thép.
Tiêu chí nghiệm thu căn cứ vào thông số kỹ thuật của nhà sản xuất thép và điều khoản đặt hàng bằng văn bản. Giá trị điển hình và giá trị tham khảo dùng để đánh giá.
Dữ liệu thép dải dùng làm tham khảo kỹ thuật. Cần xác minh riêng tổn hao của lõi thành phẩm.
Phiên bản 2026-11-14.2